

**THỐNG KÊ
THI THỬ VÀO LỚP 10 THPT LẦN 2**

STT	Đơn vị	TS HS K9	Điểm thi môn Toán												Điểm TB	Vị thứ
			Dự thi	Trên TB		0	0.1->1.0	1.1->2.4	2.5->5	5->6.4	6.5->7.9	8->8.9	9->9.9	10		
	Tổng	4975	3786	2703		1	19	183	881	1133	1170	350	48	2		
	Tỉ lệ %		76,1%	71,4%		0,0%	0,5%	4,8%	23,3%	29,9%	30,9%	9,2%	1,3%	0,1%	5,732	
1	An Lư	214	155	118	76,1%	0	1	11	25	40	46	30	2	0	6,059	5
2	Cao Nhân	154	110	74	67,3%	0	0	3	33	34	28	11	1	0	5,602	19
3	Chính Mỹ	112	85	46	54,1%	0	0	4	35	20	23	3	0	0	5,124	29
4	Dương Quan	129	98	83	84,7%	0	0	1	14	37	37	9	0	0	6,020	9
5	Hoà Bình	183	144	118	81,9%	0	0	2	24	60	47	10	1	0	6,043	7
6	Hoa Động	170	116	86	74,1%	0	0	10	20	38	40	7	1	0	5,759	17
7	Hoàng Động	137	105	52	49,5%	0	4	15	34	22	27	3	0	0	4,712	31
8	Hợp Thành	117	104	77	74,0%	0	0	6	21	33	29	12	3	0	5,750	18
9	Kiên Bái	162	111	77	69,4%	0	0	8	26	26	32	15	3	1	5,829	13
10	Kỳ Sơn	118	87	67	77,0%	0	0	0	20	36	21	10	0	0	5,911	11
11	Lại Xuân	182	144	99	68,8%	0	0	8	37	40	51	8	0	0	5,535	20
12	Lâm Động	110	86	65	75,6%	0	1	1	19	26	28	9	2	0	6,023	8
13	Lập Lễ	182	110	92	83,6%	0	0	3	15	29	36	19	8	0	6,502	1
14	Lê Ích Mộc	316	266	196	73,7%	0	3	16	51	52	95	37	11	1	5,988	10
15	Liên Khê	165	127	82	64,6%	0	0	5	40	48	30	4	0	0	5,394	26
16	Lưu Kiếm	212	171	142	83,0%	0	0	1	28	50	74	16	2	0	6,276	4
17	Minh Đức	147	109	90	82,6%	0	1	5	13	26	50	11	3	0	6,294	3
18	Minh Tân	154	109	83	76,1%	0	1	8	17	34	38	9	2	0	5,837	12
19	Mỹ Đồng	119	101	64	63,4%	0	0	5	32	30	29	5	0	0	5,403	25
20	Ngũ Lão	179	127	87	68,5%	0	1	5	34	39	47	1	0	0	5,470	23
21	Nguyễn Văn Cừ	225	145	105	72,4%	0	0	2	38	47	48	9	1	0	5,805	14
22	Phả Lễ	99	68	51	75,0%	0	0	3	14	24	15	12	0	0	5,783	15
23	Phan Chu Trinh	171	137	91	66,4%	1	2	2	42	41	44	6	0	0	5,487	22
24	Phục Lễ	134	86	74	86,0%	0	0	5	7	21	33	20	0	0	6,422	2
25	Quảng Thanh	151	130	85	65,4%	0	2	6	37	38	33	12	2	0	5,518	21
26	Tam Hưng	120	150	89	59,3%	0	0	8	53	56	21	12	0	0	5,266	27
27	Tân Dương	115	82	51	62,2%	0	0	4	27	10	29	12	0	0	5,780	16
28	Thiên Hương	172	128	102	79,7%	0	0	4	22	44	37	18	3	0	6,047	6
29	Thủy Đường	187	153	96	62,7%	0	1	11	45	46	40	8	2	0	5,263	28
30	Trần Hưng Đạo	228	179	123	68,7%	0	0	11	45	64	50	8	1	0	5,427	24
31	Trần Nhật Duật	111	63	38	60,3%	0	2	10	13	22	12	4	0	0	4,968	30